TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **39**/2024/DS-ST
Ngày: 30-5-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Văn Thêm

2. Ông Đặng Hoàng Mơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Chúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Tri Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2024 về "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2024/QĐXXST-DS ngày 15/5/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Hộ kinh doanh T1**

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện V, tỉnh Kiên Giang

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Bùi Thúy D**, sinh năm 1996, trú tại: ấp B, xã B, huyện V, tỉnh Kiên Giang là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (có mặt)

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Phước T**, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 26/02/2024; biên bản hòa giải ngày 15/5/2024 người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà **Bùi Thúy D** trình bày và yêu cầu như sau:*

Ngày 08/12/2021 ông Nguyễn Phước T với Hộ kinh doanh T1 thống nhất thỏa thuận hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc thủy sản để nuôi tôm với nhau, cụ thể Hộ kinh doanh sẽ cung ứng thức ăn tôm, thuốc và hóa chất nuôi trồng thủy sản cho ông T (có lập hợp đồng mua bán), ngoài việc lập hợp đồng ra thì mỗi lần mua bán ông T có ký nhận vào sổ mua bán.

Hai bên thực hiện trong một thời gian dài thì đến ngày 05/8/2023 ông T còn nợ lại Hộ kinh doanh Tân Quang T1 tổng cộng số tiền 196.530.000 đồng.

Nay đại diện cho Hộ kinh doanh T1 yêu cầu ông Nguyễn Phước T phải trả cho Hộ kinh doanh T1 số tiền mua bán thức ăn và thuốc thủy sản để nuôi tôm còn thiếu tổng cộng là 207.011.000 đồng, trong đó: gốc 196.530.000 đồng, lãi chậm trả 10%/năm tính từ ngày 05/8/2023 đến ngày 17/02/2024 (06 tháng 12 ngày) số tiền 10.481.000 đồng.

** Đối với yêu cầu trên của nguyên đơn, tại biên bản lấy lời khai ngày 16/4/2024; biên bản hòa giải ngày 15/5/2024 bị đơn ông **Nguyễn Phước T** có ý kiến:*

Ngày 08/12/2021 tôi với Hộ kinh doanh T1 có thống nhất thỏa thuận ký hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc thủy sản để tôm, cụ thể Hộ kinh doanh sẽ cung ứng thức ăn và thuốc thủy sản cho tôi (có lập hợp đồng mua bán), sau đó hết hạn hợp đồng thì hai bên có ký lại hợp đồng mới, ngoài việc lập hợp đồng ra thì mỗi lần mua bán tôi có ký nhận vào sổ mua bán.

Hai bên thực hiện trong một thời gian dài thì đến ngày 04/8/2023 tôi còn nợ lại Hộ kinh doanh T1 số tiền khoảng vài chục triệu nhưng không nhớ bao nhiêu. Số tiền trong sổ ghi tôi thiếu đến ngày 04/8/2023 là 196.530.000 đồng bằng mực đỏ là không đúng, đối với chữ ký và chữ viết liền kề ghi họ tên Nguyễn Phước T là do tôi ký và viết ra. Khi tôi ký và ghi họ tên thì chưa ghi số tiền 196.530.000 đồng, nhưng số lượng mua và giá tiền từng mặt hàng thì đã có. Tôi không yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết họ tên của tôi với số tiền ghi mực đỏ 196.530.000 đồng.

Tôi xác định và thừa nhận các chữ ký tên và ghi họ tên trong sổ mua bán mà Tòa án cho tôi xem đúng là của tôi. Mỗi lần ký, ghi họ tên thì số tiền còn

thiếu lại người bán đã ghi sẵn tôi mới ký vào.

Thực tế khi ký sổ thì giá mua bán mỗi bao hơn 620.000 đồng, nhưng khi tôi trả tiền thì chỉ tính giá 620.000 đồng.

Nay theo yêu cầu của nguyên đơn tôi không đồng ý trả đồng nào, vì lý do Hộ kinh doanh T1 ngưng không cung cấp thức ăn tôm nên gây thiệt hại cho tôi.

Tôi chỉ sống một mình, không có vợ.

**** Tại phiên tòa*:**

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Phước T phải trả số tiền mua bán gốc còn thiếu là 196.530.000 đồng, xin rút lại yêu cầu trả lãi.

- Bị đơn ông Nguyễn Phước T có ý kiến: Không đồng ý trả đồng nào theo yêu cầu của nguyên đơn.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn ông Nguyễn Phước T phải trả cho nguyên đơn Hộ kinh doanh T1 số tiền mua bán thức ăn và thuốc thủy sản để nuôi tôm còn thiếu là 196.530.000 đồng; đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn số tiền lãi 10.481.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và về thẩm quyền: Nguyên đơn Hộ kinh doanh T1 khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn ông Nguyễn Phước T phải trả số tiền mua bán thức ăn và thuốc thủy sản để nuôi tôm còn thiếu và bị đơn không có yêu cầu phản tố. Do đó, quan hệ pháp luật trong trường hợp này được xác định là *tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*, đồng thời bị đơn ông Nguyễn Phước T có nơi cư trú tại ấp B, xã V, huyện V nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận theo quy định tại khoản 3 Điều 26,

điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự có mặt tại phiên tòa hôm nay, có đủ cơ sở để xác định được giữa nguyên đơn Hộ kinh doanh T1 với bị đơn ông Nguyễn Phước T có xác lập hợp đồng mua bán tài sản với nhau.

Theo bị đơn ông T xác định, tính đến ngày 04/8/2023 thì ông có mua số lượng thức ăn tôm đúng như trong sổ mua bán đã ghi và ông có ký nhận vào phía bên góc phải của quyển tập mua bán. Tuy nhiên thời điểm ông ký nhận thì chưa ghi số tiền tổng ông còn thiếu đối với Hộ kinh doanh T1, hơn nữa số tiền thỏa thuận mua bán mỗi bao thức ăn khi ký sổ thì hơn 620.000 đồng, nhưng khi trả tiền thì chỉ tính giá mỗi bao 620.000 đồng. Do đó ông không đồng ý trả theo yêu cầu của nguyên đơn nêu ra.

Tuy nhiên, theo các chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời trình bày thừa nhận của bị đơn ông T xác định được, mỗi khi hai bên thực hiện việc mua bán thì số lượng mua và giá tiền từng mặt hàng đã có và bị đơn ông T đều có ký vào sổ mua bán để xác định số nợ còn thiếu, đồng thời ông T xác định khi ông ký vào sổ thì số tiền chưa có nhưng lại không yêu cầu cơ quan chuyển môn tiến hành giám định. Do đó, HĐXX không có căn cứ để xem xét ý kiến của ông đã nêu ra. Đồng thời, lời trình bày của bị đơn ông T không được người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thừa nhận nên ông T phải chịu hậu quả của việc không cung cấp được chứng cứ chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do đó, hiện nay bị đơn ông Nguyễn Phước T phải trả cho nguyên đơn Hộ kinh doanh T1 số tiền mua bán thức ăn và thuốc thủy sản để nuôi tôm còn thiếu là **196.530.000đ** *(Một trăm chín mươi sáu triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng)*, vì đây là nghĩa vụ trả nợ của bên mua tài sản theo quy định tại các điều 274, 275, 280, 430, 440 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận toàn bộ.

[3] *Đối với yêu cầu trả lãi:* Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin rút lại yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn ông T phải trả lãi đối với số tiền mua bán còn thiếu 196.530.000 đồng theo mức lãi suất chậm trả 10%/năm tính từ ngày 05/8/2023 đến ngày 17/02/2024 (06 tháng 12 ngày) số tiền 10.481.000 đồng, không yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết. Đồng thời, bị đơn ông T không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn. Như vậy, xác định

được người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút phần yêu cầu khởi kiện này là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật và đạo đức xã hội, nên cần HĐXX chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này của nguyên đơn đối với bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét lời đề nghị của đại diện Viên kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án:

Bị đơn ông Nguyễn Phước T phải chịu án phí có giá ngạch là **9.826.500** đồng (196.530.000đ x 5%) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 244 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng các điều 274, 275, 280, 430, 440 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Buộc bị đơn ông Nguyễn Phước T phải phải trả cho nguyên đơn Hộ kinh doanh Tân Quang M số tiền mua bán thức ăn và thuốc thủy sản để nuôi tôm còn thiếu là **196.530.000đ** *(Một trăm chín mươi sáu triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng)*.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Hộ kinh doanh T1, nếu ông Nguyễn Phước T không trả hoặc trả không đủ số tiền nêu trên cho Hộ kinh doanh T1 thì hàng tháng ông T còn phải trả tiền lãi cho Hộ kinh doanh T1 theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hộ kinh doanh T1 buộc ông Nguyễn Phước T phải số tiền lãi là 10.481.000 đồng theo

mức lãi suất chậm trả 10%/năm tính từ ngày 05/8/2023 đến ngày 17/02/2024 (06 tháng 12 ngày).

4. Về án phí:

- Bị đơn ông Nguyễn Phước T phải chịu **9.826.500** đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho Hộ kinh doanh T1 **5.175.275** đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0005416 ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 30/5/2024).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh KG;
- VKS huyện, tỉnh;
- Các Đ/s;
- UBND xã Vĩnh Bình Nam;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu (HSVA, VPTA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Thị Mỹ Linh